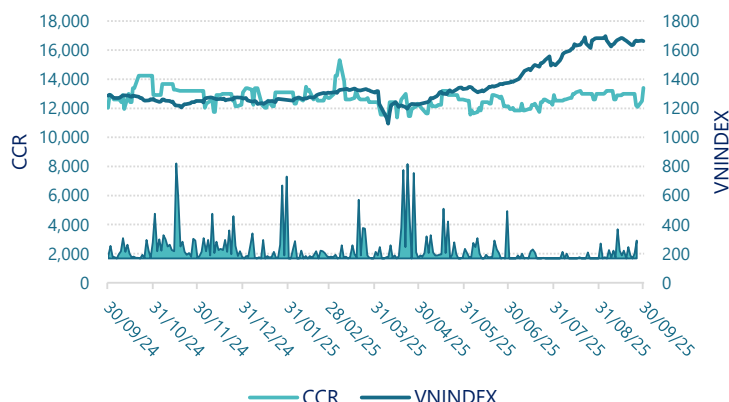


CTCP Cảng Cam Ranh (HNX: CCR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,311
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,363
SL cổ phiếu LH	24,453,617
KLGD BQ 20 phiên (CP)	915
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	328
P/E	15.3
EPS	878

DT thuần

Q3/25

72.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.8 | 21.6%

YoY: ▲ 26.2 | 57.1%

LN sau thuế

Q3/25

7.26

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.69 | 30.4%

YoY: ▲ 3.02 | 71.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

12.8%

+/- YoY: ▲ 1.1%

DT thuần

9T 2025

178

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 46.0 | 35.4%

LN sau thuế

9T 2025

18.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.10 | 39.2%

ROE

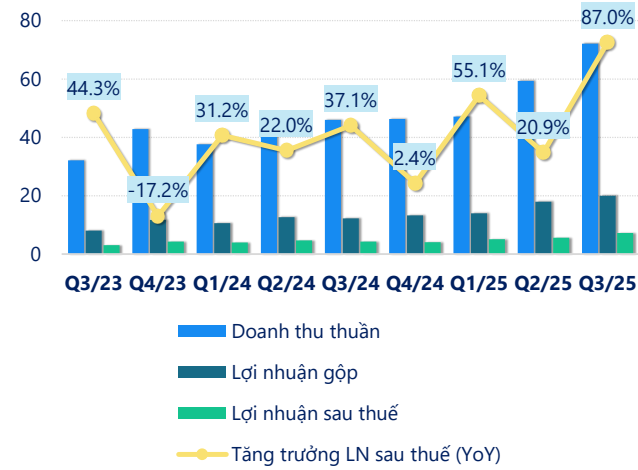
Q3/25

7.7%

+/- YoY: ▲ 1.6%

tỷ VNĐ

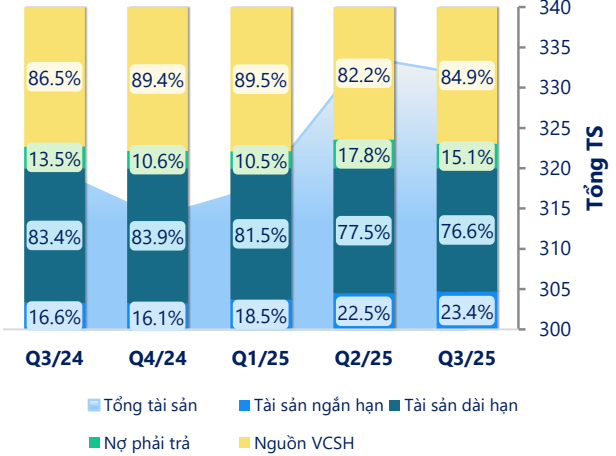
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

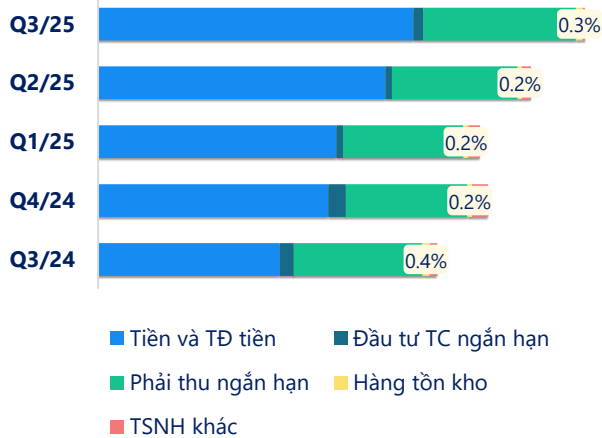
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



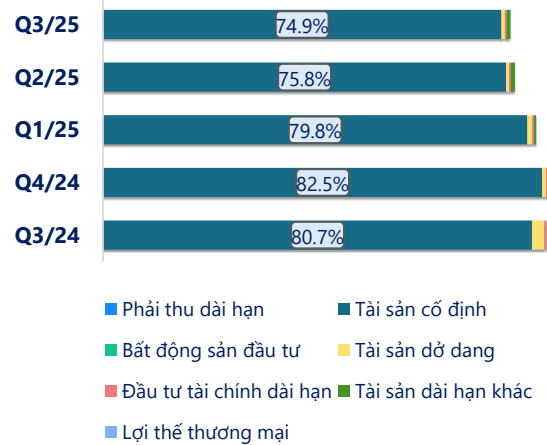
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

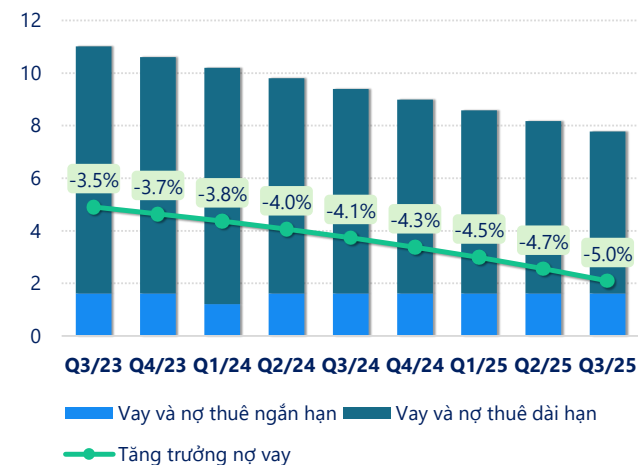
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

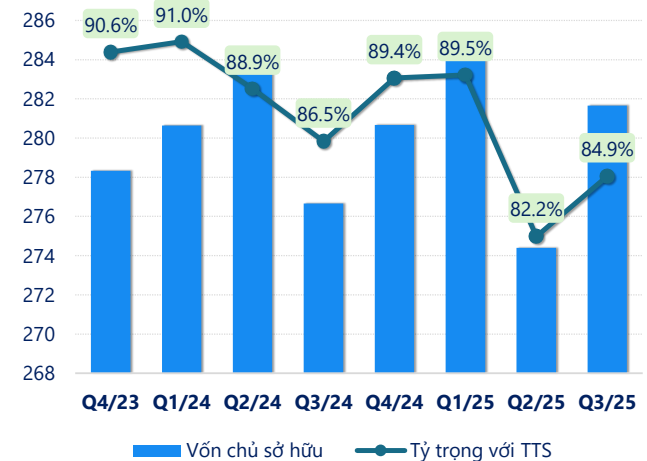
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

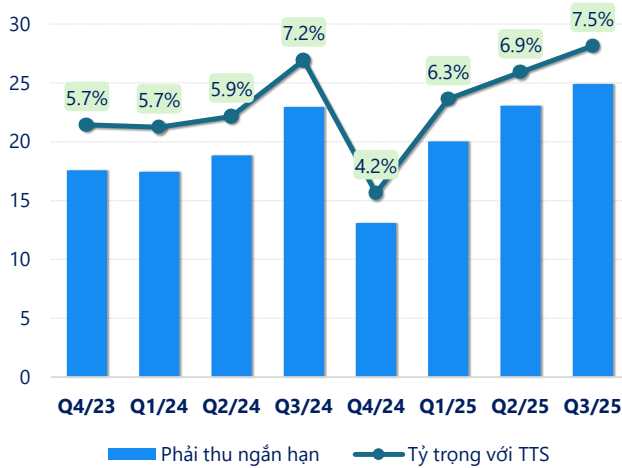
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



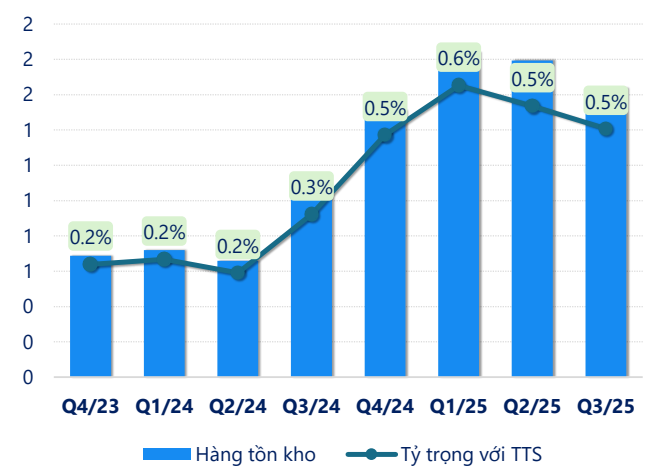
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


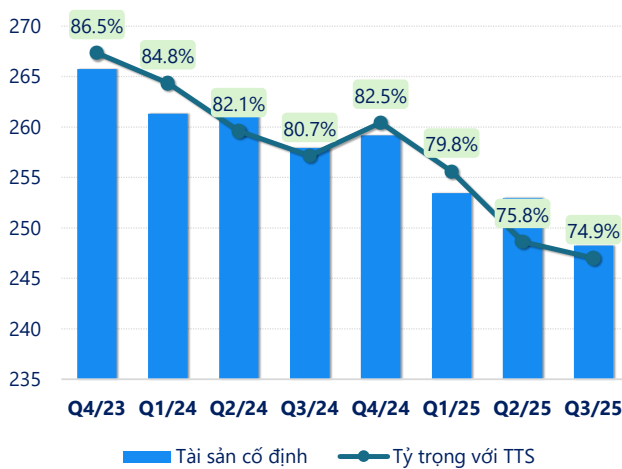
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


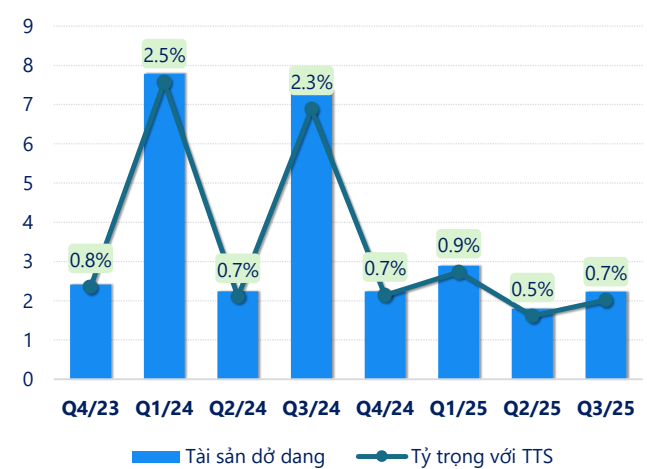
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

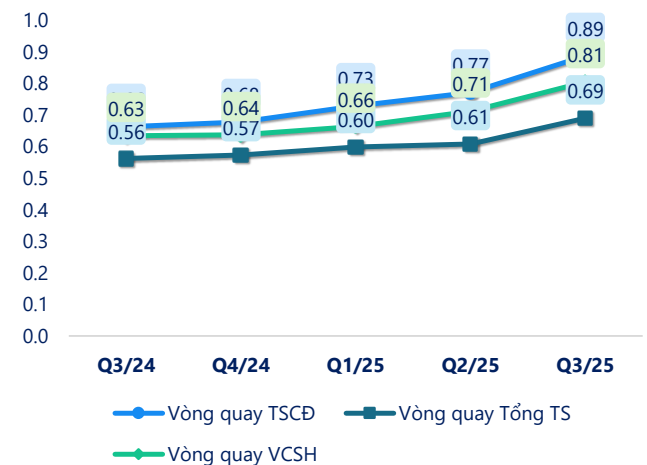
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	320	314	318	334	332
Tài sản ngắn hạn	53.1	50.6	58.9	75.1	77.5
Tiền và tương đương tiền	27.3	34.0	35.6	45.1	49.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	1.00	1.50	1.50
Phải thu ngắn hạn	23.0	13.1	20.0	23.1	24.9
Hàng tồn kho	1.03	1.51	1.84	1.79	1.63
Tài sản ngắn hạn khác	0.29	0.50	0.50	3.64	0.30
Tài sản dài hạn	267	263	259	259	254
Phải thu dài hạn	0.10	0.12	0.10	0.10	0.10
Tài sản cố định	258	259	253	253	248
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.35	2.24	2.89	1.80	2.23
Đầu tư tài chính dài hạn	1.17	1.17	1.17	1.17	1.17
Tài sản dài hạn khác	0.17	0.70	1.19	2.68	2.36
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	43.1	33.3	33.3	59.4	49.9
Nợ ngắn hạn	30.2	24.6	26.0	52.8	43.8
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.62	1.62	1.62	1.62	1.62
Phải trả người bán ngắn hạn	7.89	6.55	5.30	9.22	6.56
Nợ dài hạn	12.9	8.73	7.22	6.62	6.15
Vay và nợ thuê dài hạn	7.77	7.37	6.96	6.56	6.15
Nguồn vốn chủ sở hữu	277	281	284	274	282
Vốn chủ sở hữu	277	281	284	274	282
Vốn điều lệ	245	245	245	245	245
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)